TAND HUYỆN CHƯƠNG MỸ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 04 - 2018
V/v: Ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi** và bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ;

- Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 24/04/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 383/2017/TLST–HNGĐ ngày 16/11/2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 09/4/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979. Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, thôn PV, xã P, huyện C, Thành phố H. Hiện cư trú tại: Tổ dân phố C, phường C, quận H, Thành phố HP. Chị H có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng C (tức Tr)**, sinh năm 1977. Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Xóm Đ, thôn PV, xã P, huyện C, Thành phố H. Anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện xin ly hôn nộp tại Tòa án ngày 10/4/2017, quá trình tiến hành tố tụng - Nguyên đơn chị H trình bày:

1.1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh Nguyễn Trọng C (tức Tr) đăng ký kết hôn với nhau ngày 08/11/1997 tại UBND xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng không hợp nhau về tính cách, anh C thường xuyên chơi bời, đánh chửi chị; do không chịu được nên từ năm 2013 chị bỏ đi làm lao động tự do, sống ly thân với anh C từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Kể từ khi chị bỏ đi khỏi nhà, anh C không gọi chị và chị cũng không về chung sống với anh C. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C nên đề nghị được ly hôn với anh C.

1.2. **Về con chung**: Chị và anh C có 03 con chung là: Nguyễn Trọng D, sinh ngày 19/9/1998 hiện đã trưởng thành, tự lập và không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần; Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 17/4/2001 hiện đang ở cùng anh C và Nguyễn Trọng T, sinh ngày 12/5/2005 hiện đang ở cùng với chị.

Nếu được ly hôn, chị đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc A cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trọng T và đề nghị tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị và anh C đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

Đối với con chung Nguyễn Trọng D đã trưởng thành, tự lập và không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên chị không đề nghị Tòa án xem xét.

Hiện nay thu nhập bình quân hàng tháng của chị khoảng 8.000.000đồng/ tháng, do đang làm nghề tự do nên chị không có tài liệu chứng minh thu nhập.

1.3. **Về tài sản chung**: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn - anh Nguyễn Trọng C cố tình vắng mặt, không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh C được:

3. Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thấp chứng cứ, kết quả:

3.1. Anh Nguyễn Trọng Tranh, sinh năm 1962 là anh ruột của anh C trình bày: Anh hiện đang sinh sống cùng nhà với anh C (tức Tr), anh C đi làm thuê (sáng đi, tối về). Tòa án và Chính quyền địa phương nhiều lần đến nhà anh xác minh và giao các văn bản tố tụng cho anh C, anh là người nhận thay và đã giao trực tiếp lại cho anh C, anh C nhận nhưng có đến Tòa án làm việc hay không thì anh không biết.

Chị H và anh C kết hôn từ năm 1997, khi chung sống vợ chồng thường xuyên đánh, cãi chửi nhau dẫn đến chị H đã bỏ đi khỏi nhà anh, sống ly thân với anh C từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Khi vợ chồng anh C – chị H mâu thuẫn, anh và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không kết quả.

Anh C và chị H có 03 con chung, hiện cháu D đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần và sống tự lập; cháu A hiện đang ở với anh C, cháu Trường đang sống cùng chị H.

Vợ chồng anh C, chị H không có tài sản chung gì liên quan đến gia đình anh. Nay chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3.2. *Tại Bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của con chung ngày 01/12/2017:*

+ Cháu Nguyễn Nguyễn Ngọc A trình bày: Hiện cháu đang cùng sinh sống với bố đẻ - Nguyễn Trọng C ở Xóm Đ, thôn PV, xã P, huyện C, Thành phố H và đang học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Chương Mỹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với bố cháu - Nguyễn Trọng C.

+ Cháu Nguyễn Trọng T trình bày: Hiện cháu đang cùng sinh sống với mẹ đẻ - Nguyễn Thị H ở Tổ dân phố C, phường C, quận H, Thành phố HP và đang học tại lớp 7A1 Trường THCS Ngô Gia Tự. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ cháu - Nguyễn Thị H.

3.2. *Công an xã P cung cấp cung cấp*: Anh C có hộ khẩu thường trú và cư trú, sinh sống tại Xóm Đ, thôn PV, xã P, huyện C, Thành phố H, nhưng thường xuyên đi làm thuê tự do, sáng đi tối về nhà. Chính quyền địa phương và Tòa án đã nhiều lần đến gia đình anh C tiến hành giao các văn bản tố tụng nhưng anh C cố tình trốn tránh không gặp. Anh Tr (anh của anh C) là người sống cùng nhà với anh C nhận thay các văn bản tố tụng và cam kết giao trực tiếp cho anh C có sự chứng kiến của chính quyền địa phương.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thư ký Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nguyên đơn đã chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã tiến hành thu thập chứng cứ và tống đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn đúng quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa lần thứ 2 bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung, đề nghị xử: 1. Chị H được ly hôn anh C (tức Tr); 2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng T cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Ngọc A cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh C cho đến khi có thay đổi khác; con chung Nguyễn Trọng D, sinh ngày 19/9/1998 hiện đã trưởng thành, sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét; 3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn - Anh Nguyễn Trọng C có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C đã được tống đạt hợp lệ: Giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai cứ và phiên hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai cứ; nhưng anh C không đến Tòa án để giải quyết, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của chị H. Như vậy, anh C đã tự tước bỏ quyền và cố tình không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh C đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trọng C (tức Tr) có đăng kết hôn ngày tại UBND P, huyện C vào ngày 08/11/1997, như vậy đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H và anh C phát sinh mâu thuẫn, đánh, cãi chửi nhau, đã được gia đình khuyên can, hòa giải nhưng không có kết quả; cũng là nguyên nhân dẫn đến việc chị H bỏ đi khỏi nhà, sống ly thân với anh C từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh C và chị H cũng không quan tâm đến nhau, không gặp gỡ nhau để có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Khi chị H gửi đơn xin ly hôn, Tòa án thụ lý và thông báo cho anh C đến phiên hòa giải để hòa giải anh chị về đoàn tụ, nhưng anh C cố tình vắng mặt. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn anh C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh C có 03 con chung là:

+ Nguyễn Trọng D, sinh ngày 19/9/1998 hiện đã trưởng thành, sống tự lập và không bị nhược điểm về thể chất, tinh thần; do đương sự không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 17/4/2001 hiện đang ở cùng anh C và có nguyện vọng xin được tiếp tục được ở với anh C;

+ Nguyễn Trọng T, sinh ngày 12/5/2005 hiện đang ở cùng với chị H và có nguyện vọng xin được tiếp tục được ở với chị H.

Chị H đề nghị giao cháu A cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng; Giao cháu Trường cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy: Hiện cháu A và cháu Trường đều đã trên 07 tuổi, các cháu đều có nguyện vong xin được tiếp tục ở với người đang trực tiếp nuôi dưỡng; khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: " *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con ... trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*; *nếu con từ đủ 07 tuổi trở nên phải xem xét nguyện vọng của con*". Do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất

cho con chung và đảm bảo nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử: Giao con chung Nguyễn Trọng T cho chị H, giao con chung Nguyễn Ngọc A cho anh C được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác là phù hợp với quy định pháp luật. Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các đương sự cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh C, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị H xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự về ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. **Về quan hệ Hôn nhân**:

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trọng C (tức Tr).

2. **Về nuôi dưỡng con chung sau ly hôn**:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 12/5/2005 cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.2. Giao con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 17/4/2001 cho anh Nguyễn Trọng C được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Trọng C và chị Nguyễn Thị H cho đến khi có quyết định thay đổi khác;

2.4. Anh Nguyễn Trọng C và chị Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình không ai được cản trở.

3. **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự về phần ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số A A/2015/0003120 ngày 14/11/2017.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo rong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã P (trường hợp bản án có HLPL);
- Hồ sơ vụ án/V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai